

QUỐC HỘI  
Số: Không số

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 1987

## LUẬT

### ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

*Để mở rộng kinh tế với nước ngoài, phát triển kinh tế quốc dân, đẩy mạnh xuất khẩu trên cơ sở khai thác có hiệu quả tài nguyên, lao động và các tiềm năng khác của đất nước;  
Căn cứ vào Điều 16, Điều 21 và Điều 83 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;  
Luật này quy định việc đầu tư của các tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*

### CHƯƠNG I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1

Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoan nghênh và khuyến khích các tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư vốn và kỹ thuật vào Việt Nam trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của Việt Nam, tuân thủ pháp luật Việt Nam, bình đẳng và các bên cùng có lợi.

Nhà nước Việt Nam bảo đảm quyền sở hữu đối với vốn đầu tư và các quyền lợi khác của các tổ chức, cá nhân nước ngoài, tạo những điều kiện thuận lợi và định các thủ tục dễ dàng cho các tổ chức, cá nhân đó đầu tư vào Việt Nam.

##### Điều 2

Trong Luật này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- "Bên nước ngoài" là một bên gồm một hoặc nhiều tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân hoặc cá nhân nước ngoài.
- "Bên Việt Nam" là một bên gồm một hoặc nhiều tổ chức kinh tế Việt Nam có tư cách pháp nhân; các tư nhân Việt Nam có thể chung vốn với tổ chức kinh tế Việt Nam thành Bên Việt Nam để hợp tác kinh doanh với Bên nước ngoài.

3- "Đầu tư ngược ngoài" là việc các tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp đưa vào Việt Nam vốn bằng tiền nước ngoài hoặc bất kỳ tài sản nào được Chính phủ Việt Nam chấp thuận để hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng hoặc thành lập xí nghiệp liên doanh hoặc xí nghiệp 100% vốn nước ngoài theo quy định của Luật này.

4- "Hai bên" là Bên Việt Nam và Bên nước ngoài.

5- "Hợp đồng hợp tác kinh doanh" là văn bản ký giữa Bên nước ngoài và Bên Việt Nam về hợp tác kinh doanh.

6- "Hợp đồng liên doanh" là văn bản ký giữa Bên nước ngoài và Bên Việt Nam về việc thành lập xí nghiệp liên doanh.

7- "Phần góp vốn" là phần vốn của Bên nước ngoài hoặc của Bên Việt Nam góp vào xí nghiệp liên doanh hợp thành vốn của xí nghiệp, không kể những khoản xí nghiệp đi vay hoặc những khoản tín dụng khác cấp cho xí nghiệp.

8- "Tái đầu tư" là việc dùng lợi nhuận được chia để tăng phần góp vốn của mình trong xí nghiệp liên doanh hoặc để đầu tư mới tại Việt Nam dưới các hình thức ghi ở Điều 4 của Luật này.

9- "Vốn Pháp định" là vốn ban đầu của xí nghiệp liên doanh được ghi trong điều lệ của xí nghiệp.

10- "Xí nghiệp liên doanh" là xí nghiệp do Bên nước ngoài và Bên Việt Nam hợp tác thành lập tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng liên doanh hoặc hiệp định ký giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với Chính phủ nước ngoài.

11- "Xí nghiệp 100% vốn nước ngoài" là xí nghiệp do các tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư 100% vốn và được Chính phủ Việt Nam cho phép thành lập tại Việt Nam.

12- "Xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài" gồm xí nghiệp liên doanh và xí nghiệp 100% vốn nước ngoài.

### **Điều 3**

Các tổ chức, cá nhân nước ngoài được đầu tư vào Việt Nam trong các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân.

Nhà nước Việt Nam khuyến khích các tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư vào những lĩnh vực sau đây:

- 1- Thực hiện các chương trình kinh tế lớn, sản xuất hàng xuất khẩu và hàng thay thế hàng nhập khẩu;
- 2- Sử dụng kỹ thuật cao, công nhân lành nghề; đầu tư theo chiều sâu để khai thác, tận dụng các khả năng và nâng cao công suất của các cơ sở kinh tế hiện có;
- 3- Sử dụng nhiều lao động, nguyên liệu và tài nguyên thiên nhiên sẵn có ở Việt Nam;
- 4- Xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng;
- 5- Dịch vụ thu tiền nước ngoài như du lịch, sửa chữa tàu, dịch vụ sân bay, cảng khẩu và các dịch vụ khác.

Danh mục chi tiết các lĩnh vực được khuyến khích đầu tư do cơ quan Nhà nước quản lý đầu tư nước ngoài công bố.

## **CHƯƠNG II**

### **HÌNH THỨC ĐẦU TƯ**

#### **Điều 4**

Các tổ chức, cá nhân nước ngoài được đầu tư vào Việt Nam dưới các hình thức sau đây:

- 1- Hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng hợp tác kinh doanh;
- 2- Xí nghiệp hoặc Công ty liên doanh, gọi chung là xí nghiệp liên doanh;
- 3- Xí nghiệp 100% vốn nước ngoài.

#### **Điều 5**

Bên nước ngoài và Bên Việt Nam được hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng hợp tác kinh doanh như hợp tác sản xuất chia sản phẩm và các hình thức hợp tác kinh doanh khác.

Đối tượng, nội dung kinh doanh, quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của mỗi bên và quan hệ giữa hai bên do hai bên thoả thuận và ghi trong hợp đồng hợp tác kinh doanh.

#### **Điều 6**

Hai bên được hợp tác với nhau để thành lập xí nghiệp liên doanh.

Xí nghiệp liên doanh có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam.

#### **Điều 7**

Bên nước ngoài tham gia xí nghiệp liên doanh góp vốn pháp định bằng:

- 1- Tiền nước ngoài;
- 2- Nhà xưởng, công trình xây dựng khác, thiết bị, máy móc, dụng cụ, bộ phận rời;

3- Bằng sáng chế, bí quyết kỹ thuật, quy trình công nghệ, dịch vụ kỹ thuật.

Bên Việt Nam tham gia xí nghiệp liên doanh góp vốn pháp định bằng:

1- Tiền Việt Nam;

2- Các nguồn tài nguyên;

3- Vật liệu xây dựng, trang bị và tiện nghi;

4- Quyền sử dụng đất đai, mặt nước, mặt biển;

5- Nhà xưởng, công trình xây dựng khác, thiết bị, máy móc, dụng cụ, bộ phận rời;

6- Dịch vụ thi công và đưa xí nghiệp vào hoạt động; bằng sáng chế, bí quyết kỹ thuật, quy trình công nghệ, dịch vụ kỹ thuật.

Hai bên còn có thể thoả thuận góp vốn bằng các hình thức khác.

### **Điều 8**

Phần góp vốn của Bên nước ngoài vào vốn pháp định của xí nghiệp liên doanh không bị hạn chế về mức cao nhất, theo sự thoả thuận của hai bên nhưng không dưới 30% tổng số vốn.

Giá trị phần góp vốn của mỗi bên được xác định trên cơ sở giá thị trường quốc tế và được ghi vào văn bản thành lập bằng tiền Việt Nam hoặc tiền nước ngoài do hai bên thoả thuận.

### **Điều 9**

Tài sản của xí nghiệp liên doanh được bảo hiểm tại Công ty bảo hiểm Việt Nam hoặc tại các công ty bảo hiểm khác do hai bên thoả thuận.

### **Điều 10**

Hai bên chia lợi nhuận và chịu những rủi ro của xí nghiệp liên doanh theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên.

### **Điều 11**

Hai bên thoả thuận về tỷ lệ xuất khẩu và tỷ lệ tiêu thụ sản phẩm của xí nghiệp liên doanh tại thị trường Việt Nam, trên nguyên tắc tự bảo đảm nhu cầu về tiền nước ngoài. Thu nhập về tiền nước ngoài bằng xuất khẩu và bằng các nguồn khác phải đáp ứng được các nhu cầu về tiền nước ngoài của xí nghiệp nhằm bảo đảm hoạt động bình thường của xí nghiệp và lợi ích của Bên nước ngoài.

### **Điều 12**

Cơ quan lãnh đạo của xí nghiệp liên doanh là Hội đồng quản trị.

Mỗi bên chỉ định người của mình tham gia Hội đồng quản trị theo tỷ lệ tương ứng với phần góp vốn nhưng ít nhất có hai thành viên trong Hội đồng.

Chủ tịch Hội đồng do hai bên thoả thuận cử ra.

Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị cử ra để điều hành các hoạt động hàng ngày của xí nghiệp và chịu trách nhiệm trước Hội đồng về hoạt động của xí nghiệp.

Tổng giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc thứ nhất là công dân Việt Nam.

### **Điều 13**

Những vấn đề quan trọng nhất trong tổ chức và hoạt động của xí nghiệp liên doanh như phương hướng hoạt động, kế hoạch kinh doanh, cán bộ chủ chốt của xí nghiệp do Hội đồng quản trị quyết định theo nguyên tắc nhất trí.

### **Điều 14**

Các tổ chức, cá nhân nước ngoài được thành lập tại Việt Nam xí nghiệp 100% vốn nước ngoài, tự mình quản lý xí nghiệp, chịu sự kiểm soát của cơ quan Nhà nước quản lý đầu tư nước ngoài, được hưởng các quyền lợi và phải thực hiện các nghĩa vụ ghi trong giấy phép đầu tư.

Xí nghiệp 100% vốn nước ngoài có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam.

### **Điều 15**

Thời hạn hoạt động của xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không quá 20 năm. Trong trường hợp cần thiết, thời hạn này có thể dài hơn.

### **Điều 16**

Công dân Việt Nam được ưu tiên tuyển dụng vào xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Đối với những công việc đòi hỏi kỹ thuật cao mà phía Việt Nam chưa đáp ứng được thì xí nghiệp được tuyển dụng người nước ngoài.

Quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động Việt Nam làm việc trong xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được bảo đảm bằng hợp đồng lao động.

Lương và các khoản phụ cấp khác của người lao động Việt Nam được trả bằng tiền Việt Nam có gốc tiền nước ngoài.

### **Điều 17**